

Số: 50 /NQ-ĐHĐCĐ

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật sửa đổi bổ sung số 03/2022/QH15;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần;
- Căn cứ Biên bản họp và kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP thông qua các nội dung tại phiên họp thường niên ngày 23/06/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình đã trình bày tại cuộc họp với các nội dung cụ thể như sau:

- 1.1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty với các chỉ tiêu:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
A	B	C	2	3	5=3/2
1	Sản lượng sản xuất				
1.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	766	797	104%
1.2	UFC 85	Nghìn tấn	12.5	12.0	96%
1.3	NPK	Nghìn tấn	160	162	101%
1.4	NH3 (để thương mại)	Nghìn tấn	63	69	109%
2	Sản lượng kinh doanh				
2.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	750	749	100%
2.2	NPK	Nghìn tấn	140	151	108%
2.3	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	280	244	87%
2.4	UFC 85	Nghìn tấn	8,5	9,4	111%
2.5	NH3 (để thương mại)	Nghìn tấn	63	70	112%
2.6	CO2	Nghìn tấn	50	44	87%
2.7	Hóa chất	Nghìn tấn	0,6	0,8	116%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
A	B	C	2	3	5=3/2
3	Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)				
3.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	12,000	13,117	109%
3.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,251	3,799	169%
3.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,890	3,172	168%
3.4	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng	445	466	105%
4	Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ				
4.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7,584	10,503	138%
4.2	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3,914	3,914	100%
4.3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10,738	11,951	111%
4.4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,086	3,612	173%
4.5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,772	3,030	171%
5.6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	45%	77%	171%
4.7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	417	423	101%
4.8	Đầu tư				
4.8.1	Giải ngân đầu tư	Tỷ đồng	263	110	42%
	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	223	89	40%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	40	22	54%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng			
4.8.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	263	110	42%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	215	62	29%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	49	49	100%

1.2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu:

a. Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	828,0
1.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	165,0
1.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10,0
1.3	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	12,8
1.4	NH3 sản xuất bán thương mại	Nghìn tấn	70,0
2	Sản lượng kinh doanh		
2.1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	800,0
2.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	165,0
2.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10,0
2.4	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	8,5
2.5	NH3	Nghìn tấn	70,0
2.6	Phân bón khác	Nghìn tấn	260,0
2.7	CO2	Nghìn tấn	50,0
2.8	Hóa chất khác	Nghìn tấn	0,7

b. Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	17.239
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.130
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.473
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	738
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Triệu đồng/người/tháng	915

c. Kế hoạch Công ty mẹ

*** Kế hoạch Tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	9.011
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	16.343
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.128
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.489
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân	%	38,7
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	50
7	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,25
9	Nộp NSNN	Tỷ đồng	694

*** Kế hoạch vốn đầu tư**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
I	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	548,5
1	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	206,5
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	342,0
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
II	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	548,5
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	548,5
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-
III	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	548,5
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	548,5
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có những chỉ tiêu cần điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình hoạt động, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 (nếu có) cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong lần họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

1.3. Thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất của Tổng công ty năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

1.4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế chuyển sang		147.297.706.789
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo KH được chấp thuận		3.030.399.711.796
3	Trích lập các quỹ từ LNST 2021	(3=3.1+3.2+3.3)	217.282.088.000
3.1	Trích quỹ KT-PL người lao động	Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016	107.472.994.000
3.2	Trích quỹ thưởng người quản lý		2.336.100.000
3.3	Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động		107.472.994.000
4	Lợi nhuận còn lại năm 2021 sau khi trích lập các quỹ	(4=2-3)	2.813.117.623.796
5	Tổng lợi nhuận để lại đến năm 2021	(5=1+4)	2.960.415.330.585
6	Chia cổ tức		1.956.671.300.000
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)		5.000
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2022	(7=5-6)	1.003.744.030.585

Giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện thủ tục chi trả cổ tức 2021 theo phương án nêu trên (phần còn lại sau khi trừ đi cổ tức đã chi tạm ứng 1.000 đồng/cổ phiếu cho cổ đông).

b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế chuyển sang		1.003.744.030.585
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo KH được chấp thuận		3.489.000.000.000
3	Trích lập các quỹ từ LNST 2022	(3=3.1+3.2+3.3)	116.457.000.000
3.1	Trích quỹ KT-PL người lao động	Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016	114.000.000.000
3.2	Trích quỹ thưởng người quản lý		2.457.000.000
3.3	Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động		20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch
4	Lợi nhuận còn lại năm 2022 sau khi trích lập các quỹ	(4=2-3)	3.372.543.000.000
5	Tổng lợi nhuận để lại đến năm 2022	(5=1+4)	4.376.287.030.585
6	Chia cổ tức		1.956.671.300.000
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)		5.000
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2023	(7=5-6)	2.419.615.730.585

Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2022 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 cho phù hợp.

1.5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

1.6. Thông qua danh sách để lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2022.
Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam.

1.7. Thông qua báo cáo thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022 (số tạm tính):

- Báo cáo thực hiện năm 2021: **10.551.000.000** đồng.
- Dự toán năm 2022: **12.147.000.000** đồng (bao gồm 10% dự phòng).

1.8. Thông qua việc giao thẩm quyền cho Hội đồng quản trị: quyết định ban hành sửa đổi bổ sung/thay thế Điều lệ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Tổng công ty và quyết định về tổ chức hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

1.9. Thông qua nội dung cho Tổng công ty đăng ký bổ sung các ngành nghề kinh doanh theo Tờ trình, cụ thể như sau:

(i) Bổ sung ngành kinh doanh mới:

Stt	Mã ngành	Ngành nghề
01	7211	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
02	7212	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
03	7214	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp
04	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt: Dịch vụ khảo nghiệm phân bón
05	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vật tư nông nghiệp (máy móc hỗ trợ/Công cụ dụng cụ/giống/thuốc/nông sản)
06	4791	Sàn giao dịch điện tử, Chợ online, Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: bán hàng qua các trang thương mại điện tử
07	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: Phân bón Nông nghiệp đô thị
08	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Phân bón Nông nghiệp đô thị
09	6312	Công thông tin
10	6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
11	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn về nông học
12	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

(ii) Bổ sung thông tin chi tiết vào mã ngành kinh doanh hiện hữu

STT	Mã ngành	Thông tin đăng ký hiện hữu	Thông tin đăng ký bổ sung
1	2029	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	
		Chi tiết: Sản xuất hóa chất công nghiệp (không sản xuất hóa chất tại trụ sở)	Chi tiết: Sản xuất hóa chất công nghiệp, các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, môi trường, sinh thái (không sản xuất hóa chất tại trụ sở)
2	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	
		Chi tiết: Kinh doanh phân bón, amoniác lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác (không tồn trữ hóa chất).	Chi tiết: Kinh doanh phân bón, amoniác lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác (không tồn trữ hóa chất), các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, môi trường, sinh thái.

1.10. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổng công ty theo Tờ trình. Giao cho Hội đồng quản trị quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ Tổng công ty.

1.11. Thông qua các nội dung định hướng Chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2045; Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty hoàn thiện chi tiết, toàn văn bản Chiến lược phát triển và phê duyệt, ban hành căn cứ theo các nội dung định hướng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, 23/6/2022.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Thủ trưởng các Ban/Văn phòng và đơn vị trực thuộc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - công ty cổ phần chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

-Như điều 3;

-Lưu VT, VP HĐQT (TTV).

7e

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Hoàng Trọng Dũng